

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/KDTM-ST

Ngày: 18/08/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Sỹ Khả
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Mạnh Hải, ông Đỗ Đức Hùng.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Phú – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên toà: Ông Đỗ Tá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/08/2020, Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 29/2020/KDTM-ST ngày 25/2/2020 về việc kiện “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 07 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ngân Hng NN

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2, LH phường TC, quận Ba Đình, THnh phố H Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Ngô Đình Th - Chức vụ: Giám đốc Ngân Hng Chi nhánh Bắc Ninh II. (Theo văn bản uỷ quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng Giám đốc Ngân Hng V/v Uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi Hnh án.)

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn Th1 - Chức vụ: Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân Hng chi nhánh Bắc Ninh II. (Theo Quyết định uỷ quyền số: 105/QĐ-NoBNII-TH ngày 13/02/2020 của Giám đốc Ngân Hng - Chi nhánh Bắc Ninh II V/v Uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi Hnh án). (Có mặt)

Bị đơn: Ông: Đàm Thuận H, sinh năm 1982 và bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1989 và chị Trương Thị B (tức G), sinh năm 1989. (Có mặt)

Ông Nguyễn Đức N (tức T1) sinh năm 1961 và bà Đặng Thị T2, sinh năm 1961.

Cùng trú tại: Thôn PM, thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. (Ông N bà T2 xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Phía nguyên đơn Ngân Hng NN trình bày:

Ngày 19/04/2018 ngân Hng Ngân Hng - Chi nhánh Bắc Ninh II và ông Đàm Thuận H, bà Nguyễn Thị Đ đã ký Hợp đồng cấp tín dụng (gọi và viết tắt là HĐTD) số 2603-LAV-201800945 và văn bản sửa đổi bổ sung HĐ cấp tín dụng số 01/VBSĐBS ngày 10/7/2018 với nội dung như sau: Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn); Lãi suất cho vay: 9%/năm; Phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn cho vay: 12 tháng, từ ngày 19/4/2018 đến ngày 19/4/2019; Mục đích vay để sản xuất kinh doanh đồ gỗ. Ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ đã nhận đủ số tiền vay theo giấy nhận nợ số 2603-LDS-201801913 ngày 19/4/2018.

Tài sản đảm bảo tiền vay cho hợp đồng tín dụng nêu trên gồm có:

* Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 165,9m² tại địa chỉ PM, thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 539766 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 31/10/2013 cho ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ, được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật tại Văn phòng Công chứng Hoàng Phong – tỉnh Bắc Ninh ngày và Đăng ký yêu cầu thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ngày 25/4/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (gọi và viết tắt là HĐTC) số 10/HĐTC ngày 25/04/2017. Nghĩa vụ đảm bảo số tiền gốc tối đa là 522.585.000đ và các khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và phí phát sinh khác có liên quan nếu có.

* Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số 56, diện tích đất 121,8m², tại địa chỉ: Thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu NH ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CĐ239556 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15/9/2016 cho ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ, được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật tại Văn phòng Công chứng Công THnh – tỉnh Bắc Ninh ngày và Đăng ký yêu cầu thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày 25/4/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/HĐTC ngày 25/04/2017. Nghĩa vụ đảm bảo số tiền gốc tối đa là 2.009.700đ và các khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và phí phát sinh khác có liên quan nêu có.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ đã trả cho ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II với tổng số tiền là 214.923.700 đồng trong đó nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 214.923.700 đồng tạm tính đến ngày 31/01/2020. Kể từ sau ngày 31/01/2020 ông H và bà Đ không trả thêm được cho ngân Hng bất kể một khoản tiền nào nữa.

Đến thời hạn trả nợ, ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II đã gửi thông báo trả nợ nhiều lần cho ông H bà Đ, nhưng ông H bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cũng như không bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân Hng xử lý theo đúng quy định và có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy khoản vay của ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ bị chuyển tHnh nợ lãi quá hạn kể từ ngày 01/4/2019 và nợ gốc quá hạn từ ngày 19/4/2019.

Ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông Đàm Thuận H bà Nguyễn Thị Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nhưng đến nay, ông H bà Đ vẫn chưa trả nợ gốc cho ngân Hng Ngân Hng - Chi nhánh Bắc Ninh II. Vì vậy ngân Hng Ngân Hng đề nghị Tòa án:

Buộc ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ thanh toán cho Ngân Hng tính đến ngày 18/8/2020 số tiền: 2.974.810.057đ, trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, lãi trong hạn 319.465.752đ, lãi quá hạn là 153.753.425 đồng, lãi chậm trả của số tiền 11.972.603đ là 1.590.880đ.

Buộc ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 19/08/2020 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân Hng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi Hnh án đề nghị Cơ quan thi Hnh án tiến Hnh kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân Hng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để

thanh toán nghĩa vụ trả nợ ông Đàm Thuận H, bà Nguyễn Thị Đ đối với Ngân Hng Ngân Hng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đàm Thuận H, bà Nguyễn Thị Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân Hng Ngân Hng Ngân Hng.

Ý kiến của bị đơn ông Đàm Thuận H trình bày:

Ông H và bà Nguyễn Thị Đ có kinh doanh đồ gỗ tại gia đình nên có nhu cầu vay vốn của Ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II cụ thể như sau: Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn); Lãi xuất cho vay: 9%/năm; Phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn cho vay: 12 tháng, từ ngày 19/4/2018 đến ngày 19/4/2019; Mục đích vay để sản xuất kinh doanh đồ gỗ.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông bà đã thế chấp các tài sản cho Ngân Hng cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 161; tờ bản đồ 48; diện tích 165,9m² tại địa chỉ: thôn PM, thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh có GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền với đất số BN539766 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 31/10/2013 mang tên Đàm Thuận H và Nguyễn Thị Đ; được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 25/4/2017.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 343; tờ bản đồ 56; diện tích 121,8m² tại địa chỉ Thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh có GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nH ở và tài sản gắn liền với đất số CD239556 do UBND thị xã Từ Sơn cấp ngày 15/9/2016 mang tên Đàm Thuận H và Nguyễn Thị Đ. Các hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông đã thực hiện theo đúng mục đích và đã thanh toán tiền lãi trong hạn đến ngày 19/04/2019 cho Ngân Hng. Ngày 19/4/2019 là ngày mà vợ chồng ông phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc là 2.500.000.000 đồng, tuy N do kinh tế khó khăn, không thể xoay sở được ngay nên vợ chồng ông không thể trả nợ cho Ngân Hng số tiền trên và kể từ ngày 20/4/2019 cho đến nay, vợ chồng ông không thanh toán khoản tiền gốc và lãi nào cho Ngân Hng.

Nay Ngân Hng khởi kiện vợ chồng ông đòi tổng số tiền là 2.783.548.004 đồng tính đến ngày 31/01/2020 trong đó nợ gốc 2.500.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn, trong đó lãi trong hạn là 192.191.779 đồng, lãi quá hạn là 90.424.658 đồng, lãi chậm trả 931.567 đồng.

Với yêu cầu trên, ông xác nhận còn nợ Ngân Hng số tiền gốc như trên là đúng, còn số tiền lãi trong hạn như Ngân Hng đưa ra là 192.191.779 đồng ông cho rằng là chưa đúng vì giấy báo nợ đến hạn ngày 5/4/2019 Ngân Hng đã tạm tính cho

ông đến 19/04/2019 chỉ nợ 12 triệu. Vậy có sự mâu thuẫn giữa yêu cầu của Ngân Hng với thông báo nợ đến hạn.

Về cách tính lãi của Ngân Hng từ lãi trong hạn sang lãi quá hạn kể từ ngày 20/04/2019 với lãi suất 150% của lãi trong hạn là 9,2% là 13,8%/tháng. Với cách tính lãi này ông không chấp nhận trả lãi quá hạn mà chỉ chấp nhận trả lãi trong hạn như trong hợp đồng đã ký.

Nay ông đề nghị Ngân Hng cho tiếp tục vay số tiền 1.000.000.000đ tương ứng với phần giá trị còn lại mà Ngân Hng đã định giá tài sản thế chấp trước đây là 3.500.000.000đ. Trường hợp Ngân Hng không cho ông vay thêm thì đề nghị Ngân Hng giãn nợ để ông trả dần.

Nếu Ngân Hng không đồng ý với phương thức trên thì Ngân Hng trả lại cho ông 1.000.000.000 đồng tiền chênh lệch giữa khoản đã vay với giá trị tài sản mà Ngân Hng đã thẩm định là 3.500.000.000 đồng. Sau đó ông sẽ giao tài sản đã thế chấp cho ngân Hng.

Về tài sản thế chấp: Hai thửa đất thế chấp như trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng ông bà đã được cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu NH ở và tài sản gắn liền với đất. Đối với thửa đất số 161, tờ bản đồ số 48, diện tích 165,9m² tại địa chỉ: PM, thị trấn C khi thế chấp đã có ngôi NH trần, cho đến nay tài sản thế chấp cho Ngân Hng không có gì biến động. Đối với thửa đất số 343; tờ bản đồ 56; diện tích 121,8m² tại địa chỉ: thôn MĐ, xã HM khi thế chấp có ngôi NH 3 tầng, trong đó mỗi tầng có diện tích khoảng 120m² trên sàn bê tông, tài sản trên đến nay không có gì biến động.

Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn trình bày:

Bà Đ xác nhận có ký HĐTD và HĐTC với ngân Hng Ngân Hng - Chi nhánh Bắc Ninh II để vay tiền, tuy N các tài liệu bà không rõ vì anh H là người đứng lên làm việc với Ngân Hng, sau đó bảo bà Ký thì cứ ký, quá trình thực hiện HĐTD do anh H làm bà không biết.

Tòa án hỏi cụ thể các thông tin về HĐTD và HĐTC và các vấn đề khác có liên quan đồng thời đưa bà Đ đọc các tài liệu có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng nông nghiệp, sau khi đọc xong bà Đ không có ý kiến gì, không cung cấp chứng cứ gì, bà Đ trình bày mọi việc bà phải trao đổi lại với ông H, đến ngày 22/5/2020 bà sẽ có văn bản trả lời cụ thể, nếu hết ngày đó không lên tòa làm việc và không có văn bản thì Tòa án cứ giải quyết theo qui định.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh V chị B (tức G) trình bày:

Thông qua Tòa án anh chị được biết là Ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II có cho ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ (là vợ chồng chị gái của anh chị) vay 2.500.000.000 đồng từ năm 2018. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông H và bà Đ có thể chấp cho ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II 02 thửa đất gồm thửa đất số 161, tờ bản đồ 48, diện tích 165,9m² tại thôn PM, thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh được ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II định giá là 696.780.000 đồng và thửa đất số 343, tờ bản đồ số 56, diện tích là 121,8m² tại thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Nay anh chị được biết cả hai thửa đất trên đều mang tên ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ.

Về nguồn gốc thửa đất số 161, tờ bản đồ 48, diện tích 165,9m² tại thôn PM, thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh là của ông Đặng Đình Đoàn là cậu ruột của anh V. Ông Đ có bán thửa đất trên cho ông Nguyễn Đức T3 là ông nội anh V, ông T3 cho anh V toàn quyền sử dụng thửa đất trên. Khi mua bán hai bên chỉ có giấy tờ viết tay với nhau. Khi mua bán chỉ có đất không chưa có nH, sau đó năm 2007 bố mẹ anh chị có xây dựng ngôi nH trần hình chữ L, trên chống nóng bằng pro xi măng. Sau khi xây nH xong không có ai ở mà chỉ. Đến năm 2010, anh lấy vợ là Trương Thị B (tức G) và hai vợ chồng về sống tại thửa đất đó cho đến nay. Khoảng năm 2016 anh chị có lát toàn bộ nền nH tầng 1, 2 của gian nH chính, làm mái tôn tầng 2 nH chính, mái tôn phía trước sân, mái tôn trên trần bếp, các chi phí hết khoảng hơn 300 triệu đồng.

Nay ngân Hng mà xử lý tài sản thế chấp, anh chị yêu cầu Ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II phải trả lại cho anh chị số tiền trên thì mới được xử lý tài sản. Nội dung trên Tòa án đã yêu cầu và hướng dẫn anh V chị B phải làm đơn có yêu cầu độc lập và các vấn đề khác có liên quan, nhưng anh V chị B chỉ đề nghị như vậy chứ không làm đơn hay cung cấp chứng cứ gì về việc mua bán thửa đất trên.

Ông Nguyễn Đức N (tức T1) và bà Đặng Thị T2 trình bày:

Anh H chị Đ là con của ông bà, trước đây không nhớ năm anh chị có đề xuất lấy của ông bà thửa đất hiện đang có tranh chấp với Ngân Hng Nông Nghiệp Từ Sơn tại thôn PM để vay một khoản tiền của ngân Hng, sau đó anh H chị Đ đã vay mượn, thế chấp tài sản thế nào ông bà không biết, nay ngân Hng nông nghiệp và phát triển Nông thôn khởi kiện đòi anh H chị Đ số tiền đã vay và có liên quan đến tài sản là nH và đất nêu trên. Với yêu cầu trên của Ngân Hng ông bà xác định việc trả nợ là do anh H chị Đ có trách nhiệm, còn tài sản thế chấp ông bà mong muốn Ngân Hng tạo điều kiện để ông bà cùng gia đình trả số tiền nợ gốc và xin miễn lãi

xuất, đồng thời sau khi thanh toán nợ, Ngân Hàng tạo điều kiện sang tên NH đất lại cho ông bà, trong vụ án này ông bà không có yêu cầu gì. Nguồn gốc NH đất và việc sang tên anh H chị Đ là chuyện nội bộ gia đình để ông bà và gia đình tự lo. Do tình hình bệnh tật, sức khỏe yếu nên ông bà xin được giải quyết vắng mặt.

Qua quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng phía bị đơn đều vắng mặt và không hợp tác do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người liên quan.

Bị đơn là ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định, do vậy HĐXX quyết định xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn trong vụ án đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn chưa tuân thủ theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án, căn cứ:

+ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Điều 300; Điều 301; Điều 302; Điều 306; Điều 317; Điều 319 Luật Thương mại;

+ Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách Hàng (Ban Hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân Hàng Nhà nước);

+ Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân Hng nH nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách Hng theo lãi suất thỏa thuận.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng NN chi nhánh Bắc Ninh II.

Buộc ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ thanh toán cho Ngân Hng Ngân Hng tạm tính đến ngày 18/8/2020 là 2.974.810.057 (Hai tỷ chín trăm bảy mươi tư triệu, tám trăm mười nghìn, không trăm năm bảy đồng), trong đó nợ gốc là: 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), lãi trong hạn là 319.465.752đ, lãi quá hạn là 153.753.425 đ, lãi phạt chậm trả 1.590.880đ.

Buộc ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 19/08/2020 trên dư nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân Hng Ngân Hng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi Hnh án đề nghị Cơ quan thi Hnh án tiến Hnh kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân Hng.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ ông Đàm Thuận H, bà Nguyễn Thị Đ đối với Ngân Hng Ngân Hng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đàm Thuận H, bà Nguyễn Thị Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân Hng Ngân Hng Ngân Hng.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân Hng NN Ngân Hng - Chi nhánh Bắc Ninh II khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ có HKTT tại thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh phải trả số tiền gốc, lãi của Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Căn cứ vào giao kết của các bên đều có mục đích lợi nhuận, nên quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp về kinh doanh thương mại. Đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án, cụ thể là của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn; Bị đơn là ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết và làm các thủ tục thông báo để ông H và bà Đ được biết là đúng theo quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi ích của các bên trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn là ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận và không có ý kiến phản bác gì về quan hệ tín dụng, các hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo tiền vay cũng như số nợ vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Xét việc thừa nhận của bị đơn là thống nhất ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do vậy đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 90 Bộ Luật tố tụng dân sự đã đủ cơ sở xác định giữa:

Ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II và ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ đã ký hợp đồng cấp tín dụng số 2603-LAV-201800945 và văn bản sửa đổi bổ sung HĐ cấp tín dụng số 01/VBSĐBS ngày 10/7/2018 với nội dung như sau: Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng chẵn); Lãi suất cho vay: 9%/năm; Phương thức cho vay: Từng lần; Thời hạn cho vay: 12 tháng, từ ngày 19/4/2018 đến ngày 19/4/2019; Mục đích vay để sản xuất kinh doanh đồ gỗ. Ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ đã nhận đủ số tiền vay theo giấy nhận nợ số 2603-LDS-201801913 ngày 19/4/2018.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ đã thế chấp cho ngân Hng tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 165,9m² tại địa chỉ PM, thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 539766 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 31/10/2013 cho ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ, được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật tại Văn phòng Công chứng Hoàng Phong – tỉnh Bắc Ninh ngày và Đăng ký yêu cầu thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ngày 25/4/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/HĐTC ngày 25/04/2017. Nghĩa vụ đảm bảo số tiền gốc tối đa là 522.585.000đ và các khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và phí phát sinh khác có liên quan nếu có;

Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số 56, diện tích đất 121,8m², tại địa chỉ: Thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD239556 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15/9/2016 cho ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ, được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật tại Văn phòng Công chứng Công THnh – tỉnh Bắc Ninh ngày và Đăng ký yêu cầu thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày 25/4/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/HĐTC ngày 25/04/2017 Nghĩa vụ đảm bảo số tiền gốc tối đa là 2.009.700đ và các khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và phí phát sinh khác có liên quan nêu có.

Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức và HĐTC như trên được ký kết giữa Ngân Hng Ngân Hng - Chi nhánh Bắc Ninh II với ông H bà Đ là tự nguyện, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực Hnh vi, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và Đ đức xã hội. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được lập tHnh văn bản có công chứng hợp pháp và được đăng ký giao dịch đảm bảo nên hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp đã ký giữa hai bên có hiệu lực bắt buộc thực hiện.

Xét quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng thấy: Sau khi ký kết hợp đồng Ngân Hng đã giải ngân cho ông H bà Đ số tiền là 2.500.000.000đ theo khế ước nhận nợ. Ngược lại ông H bà Đ đã không thực hiện đúng cam kết trả lãi Hng tháng và trả nợ gốc theo thỏa thuận, tiền lãi trả cho ngân Hng. Cụ thể từ ngày giải ngân đến nay ông H và bà Đ đã trả được cho Ngân Hng số tiền 215.013.699đ đồng, trong đó nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 215.013.699đ đồng tạm tính đến ngày 29/3/2019. Sau ngày 29/3/2019 ông H bà Đ không trả cho Ngân Hng khoản nợ gốc nào khác. Như vậy ông H bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nên Ngân Hng khởi kiện đòi số tiền nợ gốc 2.500.000.000đ là có căn cứ.

- Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi: Tại hợp đồng tín dụng quy định lãi suất cho vay được xác định cho từng lần giải ngân theo thỏa thuận các bên điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Ngân Hng nH nước về lãi suất cho vay. Xét các quy định về lãi suất trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vậy kể từ ngày giải ngân đến ngày 29/3/2019 ông H bà Đ đã trả được số tiền lãi trong hạn là 215.013.699đ sau ngày 29/3/2019 anh H chị Đ không trả được lãi trong hạn, do vậy toàn bộ dư nợ gốc là 2.500.000.000đ được chuyển sang lãi quá hạn kể từ ngày 19/4/2019 đến ngày 18/8/2020 là 153.753.425đ.

Việc tính lãi như trên là đúng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nên có căn cứ cần chấp nhận. Vậy ông H và bà Đ phải có trách nhiệm thanh toán số tiền lãi trên cho Ngân Hng Ngân Hng.

Xét yêu cầu của anh H đề nghị phía Ngân Hng cho tiếp tục vay số tiền 1.000.000.000đ tương ứng với phần còn lại mà Ngân Hng đã định giá tài sản thế chấp là 3.500.000.000 đồng. Nếu Ngân Hng không cho ông vay thêm thì đề nghị Ngân Hng giãn nợ để ông bà trả dần.

Nếu Ngân Hng không đồng ý với phương thức trên thì Ngân Hng trả lại cho ông bà 1.000.000.000 đồng tiền chênh lệch giữa khoản đã vay với giá trị tài sản mà Ngân Hng đã thẩm định là 3.500.000.000 đồng. Sau đó ông bà sẽ giao tài sản đã thế chấp cho Ngân Hng.

Xét yêu cầu trên của ông H là không có căn cứ vì giá trị tài sản Ngân Hng định giá chỉ để tính cho việc vay tiền, do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân Hng không thể tiếp tục cho vay cũng như cho trả nợ dần, việc này được thể hiện trên các qui định của HĐTD, HĐTC đã được ký kết trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên và hợp đồng đó đã có hiệu lực và buộc các bên phải thi hành.

Với các phân tích trên, thấy yêu cầu của Ngân Hng là có căn cứ và chấp nhận toàn bộ yêu cầu. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và các khoản lãi mà ông H và bà Đ phải trả cho Ngân Hng Ngân Hng tính đến ngày 18/8/2020 nợ gốc là 2.500.000.000đ, lãi trong hạn, quá hạn, lãi chậm trả là 474.193.618đ.

Ngoài ra ông H và bà Đ còn phải chịu lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2603-LAV-201800945 và văn bản sửa đổi bổ sung HĐ cấp tín dụng số 01/VBSĐBS ngày 10/7/2018 trên dư nợ gốc kể từ ngày 19/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ cần chấp nhận.

Trong trường hợp ông H bà Đ không thanh toán được nợ vay thì Ngân Hng Ngân Hng có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp như đã nêu ở trên.

Ông H bà Đ phải có trách nhiệm, nghĩa vụ bàn giao tài sản thế chấp như trên cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu. Nếu tài sản trên không đủ thực hiện nghĩa vụ thì ông H bà Đ vẫn còn phải chịu trách nhiệm trả Ngân Hng Ngân Hng số tiền còn lại theo các HĐTD như trên.

Đối với yêu cầu của người liên quan là ông N, bà T2 đề nghị ngân Hng miễn lãi cho ông H bà Đ, ông Nhiêm. Bà T2 sẽ thanh toán trả nợ gốc cho Ngân Hng, sau đó ngân Hng tạo điều kiện sang tên lại cho ông bà. Còn về đất ông bà cho rằng việc ông H, bà Đ đứng tên ông bà tự giải quyết nội bộ và không yêu cầu tòa án giải quyết. Với yêu cầu trên HĐXX thấy tại phiên tòa phía Ngân Hng chấp nhận nếu ông N bà T2 trả nợ gốc thay cho ông H bà Đ số tiền là 522.585.000đ và các khoản

nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và phí phát sinh khác có liên quan nếu có thì Ngân Hng đồng ý giải chấp đối với thửa đất tại thôn PM, tuy N Ngân Hng sẽ tạo điều kiện xem xét miễn lãi, nhưng miễn được hay không thì tại thời điểm ông bà trả nợ gốc và ngân Hng sẽ làm thủ tục trình miễn khoản lãi đó, còn việc ông N và Bà T2 yêu cầu Ngân Hng sang tên nH đất cho ông bà sau khi trả nợ là không được vì người thế chấp và có tài sản là ông H bà Đ. Nếu tài sản trên được mang ra đấu giá, ông N bà T2 mua lại thì mọi thủ tục sẽ được mang tên ông N bà T2 theo qui định. Với các đề nghị trên của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy việc ông N, bà T2 và Ngân Hng sau này tự nguyện trả nợ cho nhau, sang tên nH đất đã thế chấp là thỏa thuận khác, không thuộc phạm vi Tòa án án giải quyết trong vụ án này, do vậy Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với yêu cầu của anh V chị B xác định anh chị có sửa chữa công trình trên ngôi nH của ông Nhiêm bà T2 tại thửa đất số 161, tờ bản đồ 48 gồm lát nền nH, làm mái chống nóng tầng 2, làm mái tôn phía trước, sân nền, cửa. Hiện tài sản trên do ông H bà Đ đang thế chấp trị giá khoảng 300.000.000đ. Sau này nếu Ngân Hng xử lý tài sản thế chấp thì phải trả anh chị khoản tiền đó. Lúc thì anh V chị B đề nghị anh H chị Đ phải trả lại nH đất đã thế chấp, tuy N anh V chị B không làm đơn yêu cầu độc lập, không suất trình căn cứ chứng minh về nguồn gốc tài sản. Tại phiên tòa anh V chị B xác định ông N bà T2 đã có quan điểm về khoản nợ và tài sản là nH đất mà anh H chị Đ đã thế chấp như trên, nên anh chị hoàn toàn đồng ý với quan điểm của ông N bà T2 và không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì nữa. Do vậy Tòa án không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, phía bị đơn có lỗi nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317, 318, 319, 322, 323, 325, 353, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 300; Điều 301; Điều 302; Điều 306; Điều 317; Điều 319 Luật Thương mại;

- Điều 91; Điều 95; Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách Hng (Ban Hnh theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân Hng NH nước).

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân Hng nH nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách Hng theo lãi suất thỏa thuận.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hng NN(Ngân Hng)

2. Buộc ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân Hng NN(Ngân Hng) tổng số tiền tính đến ngày 18/08/2020 số tiền là: 2.974.810.057đ, (hai tỷ chín trăm bảy tư triệu, tám trăm mười nghìn, không trăm bảy năm đồng) trong đó nợ gốc là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng), lãi trong hạn 319.465.752đ (ba trăm mười chín triệu, bốn trăm sáu lăm triệu, bảy trăm lăm hai đồng), lãi quá hạn là 153.753.425 đồng (một trăm lăm ba triệu, bảy trăm lăm ba nghìn, bốn trăm hai lăm đồng), lãi chậm trả của số tiền 11.972.603đ là 1.590.880đ (Một triệu, năm trăm chín mươi nghìn, tám trăm tám mươi đồng)

Ngoài ra kể từ ngày 19/08/2020, ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 2603-LAV-201800945 và văn bản sửa đổi bổ sung HĐ cấp tín dụng số 01/VBSĐBS ngày 10/7/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trong trường hợp ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân Hng NN(Ngân Hng) có quyền yêu cầu cơ quan NH nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ; Tài sản thế chấp là:

* Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 161, tờ bản đồ số 48, diện tích đất 165,9m² tại địa chỉ PM, thị trấn C, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nH ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN 539766 do UBND huyện Yên Phong cấp ngày 31/10/2013 cho ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ, được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật tại Văn phòng Công chứng Hoàng Phong – tỉnh Bắc Ninh ngày và Đăng ký yêu cầu thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh ngày 25/4/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/HĐTC ngày

25/04/2017. Nghĩa vụ đảm bảo số tiền gốc tối đa là 522.585.000đ và các khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và phí phát sinh khác có liên quan nếu có.

* Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số 56, diện tích đất 121,8m², tại địa chỉ: Thôn MĐ, xã HM, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nh ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD239556 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 15/9/2016 cho ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ, được công chứng, chứng thực theo quy định pháp luật tại Văn phòng Công chứng Công THnh – tỉnh Bắc Ninh ngày và Đăng ký yêu cầu thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh ngày 25/4/2017. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 11/HĐTC ngày 25/04/2017 Nghĩa vụ đảm bảo số tiền gốc tối đa là 2.009.700đ và các khoản nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, các khoản chi phí và phí phát sinh khác có liên quan nếu có.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ ông Đàm Thuận H, bà Nguyễn Thị Đ đối với Ngân Hng Ngân Hng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đàm Thuận H, bà Nguyễn Thị Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân Hng Ngân Hng Ngân Hng.

4. Về án phí: Ông Đàm Thuận H và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 91.946.201đ chín một triệu, chín trăm bốn sáu nghìn, hai trăm linh một đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Ngân Hng Ngân Hng – Chi nhánh Bắc Ninh II tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng) theo Biên lai số: AA/2017/0002461 ngày 25/2/2020 tại Chi cục thi Hnh án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án, cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./..

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh BN;
- VKSND TX Từ Sơn;
- Chi cục THADS Từ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sỹ Khả

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

Số: 09/2020/TB

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Từ Sơn, ngày 14 tháng 09 năm 2020

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH, BẢN ÁN SƠ THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2020/KDTM ngày 25/2/2020.

Xét thấy cần sửa chữa bổ sung bản án do đánh máy nhầm trong bản án số **08/2020/KDTMST** ngày 18/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn như sau:

Tại trang 03 dòng thứ 12 từ trên xuống có ghi: 2.009.700đ.

Tại trang 13 của dòng thứ 08 và dòng thứ 11 từ dưới lên có ghi:
(mmotj trăm lăm ba triệu, bảy trăm lăm ba nghìn, bốn trăm hai lăm đồng)
(hai tỷ chín trăm bảy tư triệu, tám trăm mười nghìn, không trăm bảy năm đồng).
Nay được sửa chữa bổ sung như sau:

2.009.700.000đ.

(hai tỷ chín trăm bảy tư triệu, tám trăm mười nghìn, không trăm năm bảy đồng).

(một trăm lăm ba triệu, bảy trăm lăm ba nghìn, bốn trăm hai lăm đồng)

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh ;
- TÒA**
- VKS TX Từ Sơn;
- Chi cục THA dân sự TX Từ Sơn;
- Những người tham gia TT;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Sỹ Khả